

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng của Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung của một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT – BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 28/10/2021;

Xét đề nghị của các Ông/Bà Viện trưởng Viện Sau Đại học, Viện Tài chính – Ngân hàng:

### QUYẾT ĐỊNH:

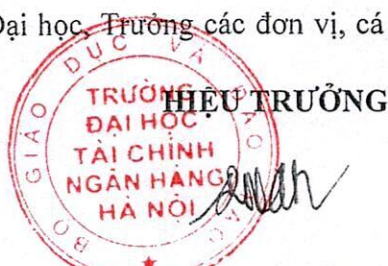
**Điều 1.** Ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, mã ngành: 8340201 của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội (Có chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chương trình được áp dụng đối với học viên cao học từ khóa 6 - năm 2021.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Viện trưởng Viện Sau Đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Hội đồng KH & ĐT;
- Lưu: VT, SDH, TC - NH.



PGS.TS Phạm Ngọc Ánh

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 217/QĐ-ĐHTNH ngày 29 tháng 10 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)*

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master of Finance and Banking

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Định hướng: Ứng dụng

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng

Mã ngành: 8340201

Thời gian đào tạo: 18 – 24 tháng

Hình thức đào tạo: Chính quy

## **1. TRIẾT LÝ ĐÀO TẠO**

- Triết lý đào tạo của Nhà trường:

“Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

Thái độ đúng mực, kiến thức sâu rộng, kỹ năng đa dạng”

*Slogan: “Điểm tựa tri thức, đột phá thành công, khai phóng sáng tạo”*

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội là các quan điểm cốt lõi định hướng cho mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục. Xuất phát từ quan điểm “*Học đi đôi với hành*” là nguyên tắc quan trọng trong hoạt động đào tạo, nhất là khối ngành tài chính - ngân hàng. Trường luôn coi trọng các kiến thức thực tiễn trong giảng dạy, thực hành cho phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học công nghệ (KH-CN) và xu hướng hội nhập quốc tế.

- Triết lý đào tạo riêng của CTĐT: như trên

## **2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, giúp học viên nâng cao trình độ lý thuyết; có kiến thức chuyên ngành sâu rộng có khả năng

vận dụng linh hoạt lý thuyết vào công tác chuyên môn; kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; có năng lực tự chủ, sáng tạo, thích ứng tốt với môi trường làm việc, có tư duy phản biện; có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật và phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

**PSO1:** Chương trình cung cấp cho người học kiến thức nâng cao, chuyên sâu thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

**PSO2:** Áp dụng thành thạo các quy định của pháp luật để xử lý các vấn đề liên quan đến tài chính – ngân hàng phát sinh trong hoạt động chuyên môn.

**PSO3:** Có kỹ năng phát hiện nhanh và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

**PSO4:** Tự định hướng khả năng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc; định hướng hoạt động chuyên môn phù hợp với pháp luật và thực tế; đề xuất ý kiến mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp, vấn đề mới phát sinh của chuyên môn, nghiệp vụ.

**PSO5:** Thực hiện tốt chính sách, pháp luật của nhà nước, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân.

## **3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **3.1. Về kiến thức**

**PLO1.1:** Áp dụng thành thạo những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

**PLO1.2:** Diễn giải phù hợp việc vận dụng kiến thức cơ sở ngành về Kinh tế học quản lý; Kinh tế học tài chính-ngân hàng; Nguyên lý kế toán; Pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính-ngân hàng trong phạm vi chuyên môn.

**PLO1.3:** Tổng hợp lý luận chuyên sâu về tài chính-ngân hàng được áp dụng trong hoạt động của các doanh nghiệp và ngân hàng.

**PLO1.4:** Đề xuất các giải pháp khoa học, sát thực tế, có khả năng thực hiện được để giải quyết các vấn đề thực tiễn về tài chính-ngân hàng trong hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành.

### **3.2. Về kỹ năng**

**PLO2.1:** Giải quyết được các vấn đề tài chính – ngân hàng phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, các tổ chức kinh tế xã hội khác.

**PLO2.2:** Vận dụng linh hoạt lý luận chung về quản lý kinh tế, tài chính để quản trị các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng phát sinh trong doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

**PLO2.3:** Sử dụng ngoại ngữ thành thạo phục vụ cho công tác chuyên môn, đặc biệt trong môi trường quốc tế; Có trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương trở lên).

**PLO2.4:** Thể hiện thuần thục kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, logic tới người nghe.

**PLO2.5.:** Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo; Kỹ năng làm việc nhóm trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến TC-NH tại doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức khác.

### **3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

**PLO3.1:** Tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

**PLO3.2:** Xây dựng năng lực tự học tập, sáng tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và phối hợp với đồng nghiệp trong chuyên môn nghiệp vụ.

## **4. CHUẨN ĐẦU VÀO**

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có nguyện vọng dự tuyển vào Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà Nội theo học trình độ Thạc sĩ đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế hiện hành về tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

## 5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP SAU KHI TỐT NGHIỆP

Học viên ngành Tài chính-Ngân hàng sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ có thể đáp ứng yêu cầu làm việc ở nhiều vị trí khác nhau như sau:

- Chuyên viên nghiên cứu, xây dựng chính sách tài chính, tiền tệ và các chính sách tài chính về doanh nghiệp tại các Cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương.

- Có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc khác nhau có liên quan đến hoạt động tài chính, quản trị tài chính tại doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư...

- Có thể đảm nhiệm những vị trí công tác như trợ giảng giảng dạy, nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo (các học viện, trường đại học, cao đẳng), các trung tâm nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng nói chung, tài chính doanh nghiệp và ngân hàng thương mại nói riêng.

- Người học có bằng Thạc sĩ có thể tiếp tục học tập lên bậc học tiến sĩ ở các trường đại học trong nước và nước ngoài.

## 6. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

6.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ

6.2. Cấu trúc chương trình:

	Số học phần	Số tín chỉ
<b>Kiến thức chung:</b>	4	10
<b>Kiến thức cơ sở ngành:</b>	5	10
Kiến thức bắt buộc	4	8
Kiến thức tự chọn	1	2
<b>Kiến thức chuyên ngành:</b>	10	25
Kiến thức bắt buộc:	7	17
Kiến thức tự chọn:	3	8
<b>Thực tập</b>	1	7
<b>Đề án tốt nghiệp:</b>	1	8
<b>Tổng cộng</b>	21	60

### 6.3. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị phụ trách
<b>I</b>		<b>KIẾN THỨC CHUNG (4 học phần)</b>	<b>10</b>	
	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	Khoa Cơ bản
	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	Viện QTKD
<b>II</b>		<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (5 HỌC PHẦN)</b>	<b>10</b>	
<b>2.1</b>		<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>8</b>	
	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	Khoa Cơ bản
	STN.02.01	Kinh tế học tiền tệ ngân hàng	2	Viện TC -NH
	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế	2	Viện PLKT
	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán	2	Viện KT - KT
<b>2.2</b>		<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN (1 TRONG 3 HỌC PHẦN)</b>	<b>2</b>	
	STN.01.03	Thâm định giá ngân hàng thương mại	2	Viện TC -NH
	SQK.02.02	Quản trị chiến lược	2	Viện QTKD
	SQK.01.04	Văn hóa và đạo đức công sở	2	Viện QTKD
<b>III</b>		<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (10 HỌC PHẦN)</b>	<b>25</b>	
<b>3.1</b>		<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC (7 HỌC PHẦN)</b>	<b>17</b>	
	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3	Viện TC -NH
	SKT.01.02	Kế toán tài chính nâng cao	3	Viện KT - KT
	STN.02.06	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	2	Viện TC -NH
	STN.01.02	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	3	Viện TC -NH
	STN.02.02	Đầu tư tài chính	2	Viện TC -NH
	STN.02.04	Chính sách thuế	2	Viện TC -NH
	STN.02.05	Quản lý thuế	2	Viện TC -NH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị phụ trách
3.2		<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 TRONG 7 HỌC PHẦN)</b>	8	
		<i>Chọn 2 trong 5 học phần:</i>		
	STN.02.07	Định giá và mua bán sáp nhập doanh nghiệp	3	Viện TC –NH
	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư	3	Viện QTKD
	STN.02.11	Chiến lược tài chính công ty	3	Viện TC –NH
	STN.02.09	Phương pháp kiểm soát kho bạc	3	Viện TC –NH
	STN.02.12	Thương mại và đầu tư quốc tế	3	Viện TC –NH
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>		
	STN.02.08	Tài chính công nâng cao	2	Viện TC –NH
	STN.02.10	Tài chính khởi nghiệp	2	Viện TC –NH
IV	STC.01	<b>THỰC TẬP</b>	7	Viện TC –NH
V	STC.02	<b>ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP</b>	8	Viện TC –NH
		<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>	60	

(Có đề cương chi tiết các học phần kèm theo)

### 7. KẾ HOẠCH HỌC TẬP DỰ KIẾN PHÂN THEO HỌC KỲ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ		
				1	2	3
I		<b>KIẾN THỨC CHUNG (4 HỌC PHẦN)</b>	10			
	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	x		
	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	x		
	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2	x		
	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	x		
II		<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (5 HỌC PHẦN)</b>	10			
2.1		<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC (4 HỌC PHẦN)</b>	8			
	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	x		
	STN.02.01	Kinh tế học tiền tệ ngân hàng	2	x		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ		
				1	2	3
	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế	2	x		
	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán	2	x		
<b>2.2</b>		<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN (1 TRONG 3 HỌC PHẦN)</b>	<b>2</b>			
	STN.01.03	Thẩm định giá ngân hàng thương mại	2		x	
	SQK.02.02	Quản trị chiến lược	2		x	
	SQK.01.04	Văn hóa và đạo đức công sở	2		x	
<b>III</b>		<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (10 HỌC PHẦN)</b>	<b>25</b>			
<b>3.1</b>		<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC (7 HỌC PHẦN)</b>	<b>17</b>			
	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3		x	
	SKT.01.02	Kế toán tài chính	3		x	
	STN.02.06	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	2		x	
	STN.01.02	Quản trị ngân hàng thương mại	3		x	
	STN.02.02	Đầu tư tài chính	2		x	
	STN.02.04	Chính sách thuế	2		x	
	STN.02.05	Quản lý thuế	2		x	
<b>3.2</b>		<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 TRONG 7 HỌC PHẦN)</b>	<b>8</b>			
		<i>Chọn 2 trong 5 học phần:</i>				
	STN.02.07	Định giá và mua bán sáp nhập doanh nghiệp	3			x
	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư	3			x
	STN.02.11	Chiến lược tài chính công ty	3			x
	STN.02.09	Phương pháp kiểm soát kho bạc	3			x
	STN.02.12	Thương mại và đầu tư quốc tế	3			x
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>				
	STN.02.08	Tài chính công nâng cao	2			x



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ		
				1	2	3
	STN.02.10	Tài chính khởi nghiệp	2			x
IV	STC.01	THỰC TẬP	7			x
V	STC.02	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	8			x
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60	18	19	23

## 8. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

### 8.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn gồm:

STT	Phương pháp dạy học	Mục đích
1	Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống ( <i>Case study</i> )	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm; phát triển tư duy phản biện; giúp người học trao đổi kinh nghiệm, kiến thức, học hỏi lẫn nhau
2	Dạy học theo dự án ( <i>Project-based learning</i> )	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phức hợp và năng lực đánh giá; phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ và khả năng sáng tạo; tạo môi trường hứng thú cho người học
3	Phương pháp phát vấn ( <i>socratic method</i> )	Kích thích tính tư duy độc lập của người học; tạo môi trường học tập sôi nổi, sinh động và kích thích hứng thú học tập của người học; rèn năng lực biểu đạt của người học
4	Phương pháp thuyết trình tích cực ( <i>active lecturing</i> )	Giúp người học tiếp cận nhanh chóng với các thông tin và kiến thức mới có tính phức tạp mà người học không thể lĩnh hội; người học có thể tiếp cận với những thông tin chưa được phổ biến.
5	Phương pháp giải quyết vấn đề ( <i>Problem solving</i> )	Rèn luyện tư duy phản biện và sáng tạo của người học, phát triển khả năng tìm tòi và xem xét vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau
6	Thuyết giảng ( <i>Lecturing method</i> )	Cung cấp kiến thức cho người học
7	Tổ chức học tập theo nhóm ( <i>Group-based learning</i> )	Tăng cường kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm
8	Seminar ( <i>seminar</i> )	Kỹ năng phân tích, tìm kiếm tài liệu, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm; tự học, cập nhật kiến thức
9	Lớp học đảo ngược ( <i>Flipped classroom</i> )	Phát triển kỹ năng tự học, kỹ năng thực hành

## 8.2. Các Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Đánh giá quá trình	Hoạt động đánh giá	Phương pháp đánh giá
Nhằm đo lường việc đạt được sự tiến triển của người học trên lộ trình đạt đến CĐR môn học	1.Tham dự lớp ( chuyên cần)	Quan sát
	2. Thảo luận	Quan sát
	3.Làm việc nhóm	Quan sát
	4.Thuyết trình	Quan sát và Hỏi đáp
	5.Bài tập	
	6. Thực hành	Quan sát, đọc/ nghe báo cáo
	7.Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm tự luận Trắc nghiệm khách quan Vấn đáp
Đánh giá cuối kỳ	Hoạt động đánh giá	Phương pháp đánh giá
Nhằm đo lường việc đạt được CĐR môn học	1.Thi cuối môn học	Trắc nghiệm tự luận Trắc nghiệm khách quan Vấn đáp
	2.Tiểu luận	Đọc bài viết
	3.Đồ án môn học	Đọc và nghe báo cáo
Nhằm đo lường việc đạt được CĐR của CTĐT	Đề án tốt nghiệp	Đọc và nghe báo cáo

## 9.CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

### 9.1.Cơ sở vật chất, công nghệ

Sử dụng cơ sở vật chất, công nghệ (các giảng đường, phòng máy tính thực hành, internet) tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường và cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tại các đơn vị có hợp tác với Nhà trường.

### 9.2. Học liệu

Theo danh mục tài liệu giảng viên hướng dẫn quy định trong Đề cương chi tiết học phần và các tài liệu có liên quan tại Thư viện của Trường.

## 10. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Học viên được công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, quy định trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo quyết định số 190/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

## 11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ban hành theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo quyết định số 190/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hai năm một lần nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.



PGS, TS. Phạm Ngọc Ánh